

# CÂY ĐA, BẾN CŨ, MÁI TRƯỜNG XƯA

Lâm Thụy Phong (PK 1964-1971)

Từ nam bán cầu, Trần Cảnh Mẫn gọi cho tôi cái “meo”, nhắn nhơn dịp Đại Hội Thế Giới Petrus Ký tổ chức tại Úc, nhờ tôi tham gia viết bài cho Đặc San. Computer của tôi hư, và mỗi năm cứ cận hè, tôi rất bận bịu với chuyện “vác cây qua núi” trả nợ áo com. Tôi chưa trả lời cho Mẫn, nhưng tự nghĩ rằng dù đầu tắt mặt tối đến đâu tôi cũng phải cố gắng góp một bàn tay.

Kể đó, anh Dương Xuân Phúc, trưởng lớp quanh năm từ 1964 cho tới 1971 gọi qua, cũng từ lục địa con cà từng. Vợ tôi bắt điện thoại, tôi đang bận quét chuồng gà nên không thể tiếp chuyện với “*anh bé Năm Phong Mỹ*” (thật ra vì ảnh khiêm nhường nên tự nhận là bé, chứ đây phác lên đèo, thuyền quỳên nào không ứ hự rồi lim dim?).

Nhà tôi nhắn lại: “*Anh Phúc gọi, kêu anh viết bài đăng báo*”.

Tôi gọi lại anh, nghe điện thoại reo như để mèn phiêu lưu ký, không có ai ở bên kia thiên đường. Gọi lại ba lần, *tam đáo thảo lư*, mà bóng chim tăm cá vẫn re re từng hồi. Tôi bấm số di động, may ra gặp được đại ca đang vừa đi vừa kể chuyện chơi với giỡn, thì quả thiệt ... tùm đượ quan to. Sau khi hỏi thăm sức khỏe, “*chuyện đá đền đেম lúc rày sung không?*”, trưởng lớp cho hay rất ít, tu tại gia mà phải lên Sít-Ni lo cho mấy đứa nhỏ (sic). Tôi tưởng trưởng lớp của tôi ngon quá xá, ở tuổi thập thò trước công thiên đảng nức nở cổ lai hy lại may mắn lượm được bài thuốc của vua Minh Mệnh, *nhất dạ điệp liên tú, một tá lóc cóc kèn!*

Từ chỗ thâm tình cho đến những kỷ niệm không bao giờ quên suốt bảy năm Petrus Ký, một lần nữa tôi phải đáp lời.

Có thể tôi không phải là người gấn bó nhiều như với Petrus Ký, nhưng chắc chắn không phải là người ít “chất chiu” (chữ của Nguyễn Ngọc Thiên) như với mái trường thân yêu trên đại lộ Cộng Hòa.

Tôi cố gắng viết bằng văn chương học trò trong sáng như thầy Trần Đại Lộc đã chỉ dạy năm đầu tiên trong lớp thất hai (1964). Bài viết có văn phong bông đùa cho vui, “*đá giò lầy*” cho đã (chữ của Nguyễn Trung Hiền), trong tình thân tôn trọng anh em. Do đó nếu có chi không vui xin vui lòng tự xóa chỗ nào buồn, và nếu có chi không phải xin cho tác giả bốn “*chữ vàng*”: “*khoan dung, tha thứ*”.

Nhà tôi ở Phú Thọ trường đua ngựa. Má tôi là công chức ở bưu điện Sài Gòn. Lúc tôi còn ngồi lớp tiểu học thỉnh thoảng theo ba tôi đi rước má. Từ Tôn Thất Hiệp qua Lê Đại Hành đổ ra Trần Quốc Toản. Tới chợ cá cùng tên quẹo mặt ra Ngã Bảy, phóng theo Lý Thái Tổ chạy thẳng tới là trường Petrus Trương Vĩnh Ký. Mỗi lần đi ngang qua đó, ba má tôi nói như nhắn nhủ, con trai phải ráng học thi đậu vô trường Petrus Ký.

Quả thật lúc đó với đầu óc non nớt của đứa trẻ chưa lên mười tôi không dám nghĩ tới chuyện đường đi khó tới như vậy, nếu không muốn nói đường đi không mong gì tới bến.

Nhìn ngôi trường trang nghiêm, trước cổng có hai hàng chữ Nho mà lúc đó tôi không hiểu là gì tôi thấy sợ băng quơ, ao ước nếu một ngày quân xanh áo trắng Petrus Ký ...

Ngồi lớp nhứt tiểu học Phú Thọ, tôi học với cô giáo Hạnh. Nhiều lần cô nói với tôi, sức em nên ghi danh thi tuyển vô Petrus Ký.

Tôi làm theo ước muốn của ba má tôi và tôi nghe lời khuyên của cô.

Tôi học thêm lớp nhứt luyện thi đệ thất ở trường Khai Trí của thầy Sáu. Trường còn có lớp tiếp liên “*đăng cấp*” hơn chi có ba chiến kê mà thầy đặt hết hy vọng dù năm rồi đã thất bại trước công trường mang tên nhà bác học Cái Mơn.

Thấy tôi tính toán xe chạy đồng chiều, xe chạy khác chiều, phóng lộ đẹp mắt, rất an toàn trên xa lộ Biên Hòa, không lẩn đường leo lên mặt bằng và đáp số luôn vời nước chảy, vời nước xị không sai một tích tắc, thầy Sáu “*đặc cách*” cho tôi leo lên tiếp liên, kèm theo lời dặn dò, em nên thi vô Petrus Ký.

Ngày qua ngày, còn hai tháng nữa tới ngày lều chõng đi thi, bỗng dưng tôi mắc chứng ham đá banh trong sân cỏ nhì tỉ Quảng Đông. Tôi trốn lớp thầy Sáu. Ba má tôi hay được la mắng quá đỗi và lập tức thuyên chuyên tôi về Cần Tiên-Minh Tâm để cách ly tôi với đám bạn thích học lừa banh hơn học làm toán.

Má tôi dẫn tôi trình diện bác Tư Tâm (Hiệu Trường). Bà nói như nài nỉ cho tôi được nhập đàn với một trong những trường luyện thi đệ thất có tiếng như Sài Gòn thời bấy giờ.

Bác Tư nhìn và lắng nghe má tôi giải bày qua cặp kiếng lão đeo xệ xuống gần đầu mũi, rồi nói: “Còn non hai tháng nữa, học gì? Cô đem nó về. Sang năm tôi cho ghi tên học tiếp liền”.

Nghe vậy má tôi buồn thấy rõ qua nét mặt và ánh mắt đầy lo âu. Cái học của tôi năm nay kể như đã hỏng rồi. Mười người theo học, chín người rời. Trong đó có tôi!

Riêng tôi không buồn mà ngược lại “hồ hởi” né được cây roi của bác Tư Tâm.

Thế rồi thánh nơn đái kẻ khù khờ, ông Sĩ Tài cho tôi leo lên bảng vàng ở hạng thứ 264. Anh tôi học tiếp liền ở Cần Tiên đậu hạng 252. Ba má tôi quá vui mừng trước tin hai anh em cùng đậu vào Petrus Ký, bà con nội ngoại đều được báo tin vui, và đặc biệt ba má tôi rất tự hào với bác Ba tôi. Bác là anh thứ ba, được giòng họ xem như là mẫu mực của thành công trong học vấn. Bác đã là học trò Petrus Ký, qua Pháp du học từ giữa thập niên 40. Về nước năm 1960 và đang giảng dạy ở Đại Học Nha Khoa.



Ô. Thắm-Túc (Pháp-văn)

Tôi được xếp vào lớp thất hai với thầy Thắm Túc là giáo sư hướng dẫn. Thầy dạy chúng tôi Pháp văn trong cuốn “Cours de Français Elémentaire”.

Chúng tôi tập làm quen với “mát-cu-lanh” và “phê-mi-nanh” của ngôn ngữ xứ Lục Lãng. Sau đó là “bông-rua”, “bông-soa” với Pi-E (Pierre) và Hê-Lên-Ne (Hélène theo kiểu đọc chuyên tu tại chức của các ông bà cổ nội nhảy núi, từ trên cao nay về thành phố mới).

Thầy Trần Đại Lộc dạy Việt Văn, giới thiệu chúng tôi với ông Thanh Tịnh xách cặp-táp đi học ngày khai trường. Cô Thu Hà dạy Công Dân Giáo Dục vừa hiền vừa xinh đẹp như con gái Cần Thơ (cho em 2 điểm danh dự!), nói chuyện



Bà Nguyễn-thu-Hà (Công-dân)

thật nhỏ nhẹ, giúp chúng tôi dễ thở hơn trong không khí kỷ luật nghiêm khắc của trường.



Bà Nguyễn-thị-Sâm (Vạn-Vật)

Cô Sâm dạy Sử Địa, mặc áo dài “cắt cổ Bà Nhu”. Sử chỉ ôn lại lớp nhứt, chi tiết hơn. Còn Địa thì hoàn toàn xa lạ đối với chúng tôi. Học về đá hoa cương, nham thạch, nhũ thạch ... khô như đất thiếu mưa và khó nuốt hơn bo bo thời bao cấp.



Ô. Đàng-công-Hầu (Vẽ)

Thầy Hầu dạy Họa với dáng dấp công tử bay bướm của thời trang thanh niên đầu thập niên 60. Sau đó tôi mới biết thầy có “dây mơ rễ má” với bên ngoài của tôi, theo lời kể của ông chú Ba, giám đốc trường Mỹ thuật Gia Định–Bà Chiểu và cũng là thầy của thầy Hầu.

Thầy Hoàng Lang dạy chúng tôi các nốt nhạc đầu đời. Thầy có nước da trắng tẻo và phong cách của người trí thức Tây học.

Thầy Thương dạy toán rất nghiêm túc, chỉ “giả thiết – kết luận” lơ tơ mơ là “zê-rô tất!”.

Ở lớp thất hai có anh Dương Xuân Phúc được đảng cái bang chúng tôi cử và dân chúng tao bầu làm trưởng lớp, phụ tá bởi “cậu mười” Trần Công Bình.

Anh Phúc tánh tình điềm đạm, xuề xòa bình dị như dòng sông Hậu chia nhánh, chảy qua Phong Mỹ, quê hương anh.

“Cậu mười” của Khổng Trọng Phuớc (thất ba) khá lớn con, trực tính, rất giỏi võ nghệ. Sau Tết Mậu Thân đầy máu và nước mắt, tổng tấn công không thấy nổi dậy, một số anh em phải xếp bút *Pilot* theo nghiệp kiếm cung. Trong số đó có phó trưởng lớp Tứ Hai, Bình đi Quân Cảnh, lấy quân lệnh giữ an ninh trật tự hậu phương.

Trong lớp thất hai tôi được làm quen rất nhiều bạn mới, từ xóm “nhà lá” phía sau, cho tới khu “nhà sàn” phía trước. Anh hùng hảo hớn từ chín quận Sài Gòn và vùng phụ cận (nếu tôi không lầm lúc đó thủ đô Việt Nam Cộng Hòa chỉ có 9 quận hành chánh). Gần nhứt là Đặng Thành Danh (con trai của của “Cụ Vốn” thủ quỹ trường) và xa nhứt có lẽ là Bùi Văn Leo ở tuốt luốt dưới Bình Điền, Bình Chánh ... leo lên.

Danh sách sĩ số lớp thất hai tôi còn nhớ. Bắt đầu là Trần Văn Bé thuộc xóm “nhà lá” và chấm dứt là Lâm Quốc Việt ngồi ở xóm trên. Trẻ nhứt là anh em sanh năm 1953 (theo năm *ta* dương lịch) và già nhứt không ai khác hơn là “anh bé Năm”

Dương Xuân Phúc. Trên thẻ học sinh cũng ghi sanh năm 1953 là theo lịch của xứ Lèo, một ngàn cái vòi con voi!

Tôi đeo phù hiệu Petrus Ký với niềm hãnh diện lớn dần theo năm tháng. Chỉ cái tên Petrus Trương Vĩnh Ký là điều kiện ắt có và đủ với nhãn hiệu cầu chứng học trò Petrus Ký đa số thành công, có danh có phận mọi ngành, bên này hay bên kia.

Tôi nhớ một lần, năm 1970, tôi cùng Phạm Chu Mai đua xe gắn máy từ Centre Culturel Français làm một vòng quận nhứt. Đến ngã tư Lê Văn Duyệt–Trần Quý Cáp, trước rạp Nam Quang, chúng tôi phải dừng lại vì đèn đỏ. Đèn chưa bật xanh tôi sang số phóng tới, đụng phải xe du lịch chạy song song với tôi. Chỉ một chớp mắt hai thanh niên đi trên một chiếc xe Honda đen nhảy xuống với thái độ hung hăng, kẹp tay tôi ra sau lưng và ra lệnh cho tôi trình giấy tờ. Tôi như cái máy, có bao nhiêu giấy tờ tùy thân tôi đưa ra hết: từ căn cước, lược giải cá nhân đến chứng chỉ hợp lệ tình trạng quân dịch và luôn cả thẻ học sinh Petrus Ký, *carte d'étudiant* do Centre Culturel Français cấp ...

Một thanh niên giữ tôi tại chỗ, còn người kia cầm giấy tờ của tôi đến trình với những người ngồi trong xe, lúc đó đang tạm đậu ở phía bên kia ngã tư.

Độ vài phút sau, hai người ngồi trên xe bước xuống cùng với người thanh niên lúc nãy qua đường đến gặp tôi. Tim tôi đập mạnh hơn. Một người có nước da ngăm đen, tóc hớt ngắn kiểu nhà binh khi thấy tôi có vẻ sợ sệt, ông ôn tồn nói thật chậm: “*Em có biết em đang chơi đại không?*”

Tôi dạ thật nhỏ vừa đủ nghe, ông ta tiếp: “*Nếu cận vệ của tôi tưởng em là Việt Cộng khủng bố, tụi nó bắn em chết, cha mẹ sẽ buồn ra sao? ...*”

Tôi chỉ biết nghe ông nói và cuối cùng trước khi lên xe đi tiếp ông nói với lại: “*Em chạy xe cẩn thận nghe. Hỏi trai trẻ tôi cũng học ở Petrus Ký ...*”

Tôi nghe cận vệ gọi ông là đại tá.

Thời gian qua mau. Thương hải biến vi tang điền. Nếu ông bình yên sau cuộc đời và vô tình đọc được những dòng này của tôi, kính xin đồng môn đi trước, một lần nữa, nhận lời tạ lỗi chân thành cũng như tình cảm trân trọng nhứt của người đàn em chơi đại năm xưa.

Bảy năm Petrus Ký, tôi bước từ tuổi ô-mai vô tư đến tuổi mai-lô (my love) một thời để yêu và một thời để chết giặc. Tôi rời quê hương vài năm trước khi đất nước đang ở thời kỳ quá độ, bước sang quá đỗi. Tôi nhớ từng dãy lầu, lớp học, ngọn cờ, bức tượng của nhà bác học Cái Mơn. Tôi nhớ hành lang danh dự, ngôi đợi xứng danh để nhận phần thưởng cuối năm. Tôi nhớ sân vận động Lam Sơn tập thể dục và trưa nắng quần banh. Tôi nhớ quán “Minh Tuấn”, quán “con Mùi” ngôi đầu lảo, kể cho nhau nghe truyện dưới đất lẫn truyện trên trời, luôn cả truyện “*ghế xinh ghế đứng đầu đình, em xinh em lọt xuống sình vẫn xinh ...*”

Tôi nhớ phong cách mô phạm của thầy cô đã từng truyền dạy cho chúng tôi những ý thức công dân giáo dục, kiến thức hội họa, âm nhạc hay khoa học cơ bản đầu đời. Ai còn? Ai mất? Tôi kính xin tất cả thầy cô nhận nơi đây lòng biết ơn muôn đời của đứa học trò Petrus Ký.

Ba mươi năm sau, tôi trở về quê cũ lần đầu. Biển xanh đã biến thành ruộng dâu theo vận nước. Ngôi trường cũ còn đó, tên trường đã mất cùng hai hàng chữ Nho “*Khổng Mạnh cương thường tu khắc cốt; Tây Âu khoa học yếu minh tâm*” cũng như tượng của “ông cụ nhà mình” không còn ! Cửa chung còn mất, cửa riêng còn hay mất?

Tôi quay gót, trong lòng buồn man mác, cảm thấy lạc lõng ngay chính trong ngôi trường mà tôi đã quá quen thuộc. Sáng xách vô, trưa xách về suốt bảy năm làm học trò Petrus Ký.

Nếu tôi kéo được cây kim đồng hồ chạy ngược về với quá khứ, tôi ước mơ được sống lại những ngày xưa thân ái in đầy kỷ niệm dưới mái trường xưa. Và nếu tôi được ban cho một ước nguyện ở kiếp sau, tôi chỉ xin một lần nữa, làm học trò Petrus Trương Vĩnh Ký.

Ngoại ô Paris, đầu hè 2013.



